

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2021/HSST

Ngày 24-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đoàn Thế Đức- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 198/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

Vi Văn S, sinh năm 2001; huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ĐKKTTT và nơi ở: Thôn Tr, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn S; và bà: Lương Thị Đ; vợ, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự:** không

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Mã Văn H, sinh năm 2001, cư trú tại: Thôn T, xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

2. Anh Lương Văn L, sinh năm 2000; cư trú tại: Thôn T, xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

3. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 2000; cư trú tại: Thôn Trung Tịnh, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hứa Ngọc N, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn C, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Tiên H, sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Anh Lương Văn X, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn T, xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

5. Chị Lương Thị Th, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn Tr, thị trấn Ch, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2021 đến ngày 17/9/2021 Vi Văn S- sinh năm 2001, trú tại: thôn Y, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH Luxshre thuộc khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện V, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

*** Vụ thứ nhất:** Vi Văn S cùng anh Mã Văn H- sinh năm 2001, trú tại: thôn T, xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thuê phòng trọ số 405 của chị Nguyễn Thị V- sinh năm 1985 ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để ở cùng nhau đi làm công ty. S biết anh H mới mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu sơn đen, biển kiểm soát 12H1- 413.25 và hay để xe ở dưới nhà để xe tầng 1 của khu nhà trọ nên S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của anh H mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 7 giờ ngày 07/9/2021, sau khi hết ca làm ở Công ty, S đi về phòng trọ ngủ, một lúc thì anh H về phòng trọ ngủ cùng với S. Khoảng 11 giờ cùng ngày, S ngủ dậy thấy anh H đang ngủ nên S lục tìm lấy chiếc chìa khóa xe mô tô của anh H để trong túi xách ở đầu giường, S đi xuống nhà để xe ở tầng 1 dùng chìa khóa

xe mở ổ khóa điện xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 413.25 của anh H thấy đèn điện xe bật sáng, S ngồi lên xe mô tô điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến quán cầm đồ ở khu vực chợ M thuộc tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (S khai không nhớ tên quán) cầm cố chiếc xe của anh H để vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 09/9/2021, S chuộc lại chiếc xe mô tô của anh H và mang đến quán cầm đồ “Vượng Phát” có địa chỉ tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang vay của anh Hứa Ngọc N- sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 30.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô của anh H làm tin, số tiền cầm cố được S chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết S là người trộm cắp chiếc xe mô tô của mình mang đi cầm cố, anh H nhiều lần yêu cầu sự chuộc lại xe trả lại anh nhưng S không có tiền để chuộc xe. Ngày 30/9/2021, anh Mã Văn H trình báo đến cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 119/KL- HĐĐGTS ngày 04/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu sơn đen, biển kiểm soát 12H1- 413.25 có giá trị 68.000.000 đồng.

*** Vụ thứ hai:** Do không có tiền chuộc xe mô tô trả lại anh H nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu sơn trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 12X1- 138.93 của anh Hoàng Văn T, sinh năm 2000, trú tại thôn Tru, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn (anh T đang thuê trọ ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang) là bạn cùng quê với S. Khoảng 06 giờ ngày 17/9/2021, S điện thoại cho anh T nói dối là có việc cần xe mô tô đi xuống thành phố Bắc Ninh giải quyết công việc và hỏi mượn xe mô tô của anh T, vì là chỗ quen biết nên anh T tin tưởng và đồng ý cho S mượn xe. Anh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12X1- 138.93 đi đến phòng trọ của S đưa chìa xe mô tô và xe mô tô cho S mượn. S điều khiển xe mô tô chở anh T đến cổng Công ty Hồng Hải thuộc khu Công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang để đi làm, còn S điều khiển xe mô tô của anh T đến cửa hàng cầm cố “Vạn Tín” ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang cầm cố chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh để vay số tiền 6.000.000 đồng. Khi cầm cố S không nói cho anh H biết nguồn gốc chiếc xe trên do phạm tội mà có sau đó đi về phòng trọ. Sau khi biết S cầm cố xe, anh T nhiều lần yêu cầu S chuộc lại xe trả lại anh T nhưng S không trả lại. Ngày 30/9/2021, anh T làm đơn trình báo đến cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 125/KL- HĐĐGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu sơn trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 12X1- 138.93 có giá trị 10.000.000 đồng.

*** Vụ thứ ba:** Khoảng 10 giờ ngày 17/9/2021, S đi bộ đến phòng trọ của anh Lương Văn L, sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã Hòl, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; đang thuê trọ tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang là bạn cùng quê chơi và nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu sơn trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 12H1- 280.44 của anh L. S nói dối anh L là cho mượn xe mô tô để đi mua đồ ăn, vì là chỗ quen biết nên anh L tin tưởng và đồng ý cho S mượn xe. Sau khi mượn được xe mô tô, S điều khiển xe đi đến quán cầm đồ “79” của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đến nơi, S mở cốp xe kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 280.44 nên cầm đăng ký xe đưa cho anh L để vay số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền S đưa trả cho anh L trước 300.000 đồng tiền lãi, số tiền còn lại S đã chi tiêu cá nhân hết. Khi cầm cố chiếc xe trên S không nói cho anh L biết về nguồn gốc chiếc xe trên do phạm tội mà có. Sau khi sự việc xảy ra anh L nhiều lần yêu cầu S trả lại xe nhưng không có tiền chuộc. Ngày 30/9/2021, anh L trình báo đến cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 124/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu sơn trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 12H1- 280.44 có giá trị 11.000.000 đồng.

Do biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 30/9/2021, Vi Văn S đến Công an thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng gold, lắp sim thuê bao số 0964.834.108; cùng ngày Công an thị trấn N đã bàn giao hồ sơ, vật chứng và đối tượng S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 30/9/2021, sau khi được Cơ quan điều tra thông báo chiếc xe nhận cầm cố là vật chứng vụ án nên anh Hứa Ngọc N tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu sơn đen, biển kiểm soát 12H1- 413.25; anh Nguyễn Tiến H giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu sơn trắng- đen- bạc, biển kiểm

soát 12X1- 138.93; anh Nguyễn Văn L giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu trắng- đen- bạc, biển kiểm soát 12H1- 280.44 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 280.44 cho Cơ quan điều tra.

Ngày 01/10/2021, ngày 02/10/2021 và ngày 07/10/2021, Cơ quan điều tra cho anh Hứa Ngọc N, anh Nguyễn Tiến H và anh Nguyễn Văn L nhận dạng qua ảnh người đã đến cầm cố xe mô tô. Kết quả anh N, anh H và anh L đều nhận ra Vi Văn S là người mang xe mô tô đến quán cầm đồ của các anh cầm cố để vay tiền.

Ngày 08/10/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của Vi Văn S. Kết quả phát hiện nhật ký có cuộc gọi đi, gọi đến, các tin nhắn trao đổi giữa S với anh Mã Văn H, anh Hoàng Văn T và anh Lương Văn L thể hiện việc anh H, anh T, anh L yêu cầu S mang xe về trả lại cho anh H, anh T và anh L, Cơ quan điều tra cho bị cáo xem và in ra giấy A4 cho bị cáo S ký xác nhận

Cáo trạng số 205/CT- VKS ngày 25 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Vi Văn S về các tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, bị cáo trình bày thêm bị cáo dùng chiếc điện thoại Iphone 6 bị tạm giữ để điện thoại cho anh T mượn xe mô tô. Nay anh N, anh H và anh L yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền cầm xe bị cáo đồng ý.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn S từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn S 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 30/9/2021, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Vi Văn S phải hoàn trả cho anh Hứa Ngọc N số tiền 30.000.000 đồng; hoàn trả cho anh Nguyễn Tiến H số tiền 6.000.000 đồng; và hoàn trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền 4.700.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng gold lắp thuê bao số 0964.834.108

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.035.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 07/9/2021 và ngày 17/9/2021, Vi Văn S thực hiện các hành vi như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 07/9/2021, tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, lợi dụng lúc anh Mã Văn H ngủ, Vi Văn S lục tìm lấy chìa khóa xe mô tô của anh H. S xuống nhà để xe ở tầng 1 mở ổ khóa điện xe mô tô nhãn hiệu SH 125i biển kiểm soát 12H1- 413.25 của anh H. Sự điều khiển xe mô tô đến quán cà phê ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang cầm cố cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 09/9/2021, S chuộc lại chiếc xe mô tô của anh H mang đến quán cà phê “Vượng Phát” có địa chỉ ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V,

tỉnh Bắc Giang vay của anh Hứa Ngọc N số tiền 30.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô BKS 12H1- 413.25 để làm tin. Anh H nhiều lần yêu cầu S chuộc xe trả lại anh nhưng S không trả.

Vụ thứ 2: Do không có tiền chuộc xe mô tô trả anh H. S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave BKS 12X1- 138.93 của anh Hoàng Văn T. Sự nói dối anh T là mượn xe mô tô đi Bắc Ninh giải quyết công việc. Do là chỗ quen biết, tin là Sự nói thật nên anh T đồng ý cho S mượn xe. Sau khi mượn được xe mô tô của anh T, S điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm cố Vạn Tín cầm cố cho anh Nguyễn Tiến H để vay số tiền 6.000.000 đồng. Anh T nhiều lần yêu cầu S chuộc xe trả, nhưng S không trả.

Vụ thứ 3: Khoảng 06 giờ ngày 17/9/2021, S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Lương Văn L. S đi bộ đến đến phòng trọ của anh L ở tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang nói dối anh L mượn xe mô tô đi mua đồ ăn. Tin là S nói thật và là người cùng quê nên anh L cho S mượn 01 xe mô tô BKS 12H1- 280.44. Sau khi mượn được xe của anh L, S không đi mua đồ ăn mà điều khiển xe đến quán cầm đồ “79” của anh Nguyễn Văn L cầm cố xe mô tô và vay 5.000.000 đồng. S trả cho anh L 300.000 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại S chi tiêu cá nhân hết. Nhiều lần anh L yêu cầu S trả xe nhưng S không trả.

Cáo trạng số 205/CT- VKS ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Vi Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Mã Văn H, anh Hoàng Văn T và anh Lương Văn L được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa bàn có khu công nghiệp. Bị cáo phạm nhiều tội và phạm tội nhiều lần đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] *Tình tiết giảm nhẹ:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đầu thú. Áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] *Tình tiết tăng nặng:* Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo phạm tội nhiều lần, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[5] *Xét về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo mới lớn, mức thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với anh Hứa Ngọc N, Nguyễn Tiến và anh Nguyễn Văn L là những người nhận cầm cố xe mô tô cho Vi Văn S vay tiền. Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố, cho vay tiền các anh đều không biết các xe mô tô trên là do phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xử lý là có căn cứ.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

[7.1]. Bị hại nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2]. Xét yêu cầu của anh Hứa Ngọc N, Nguyễn Tiến H và anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử thấy: Khi cầm cố xe mô tô, S không nói đó là tài sản do S phạm tội mà có. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân buộc bị cáo hoàn trả cho những người gồm: anh Hứa Ngọc N số tiền 30.000.000 đồng, anh Nguyễn Tiến H số tiền 6.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn L số tiền 4.700.000 đồng.

[8] *Về vật chứng*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng gold lắp thuê bao số 0964.834.108 là công cụ Sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 , Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Tội trộm cắp tài sản;

Căn cứ Khoản 1 Điều 174, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ Điều 38, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 2 Điều 106, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Vi Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/9/2021.

2. *Về trách nhiệm dân sự:*

2.1. Bị hại nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Buộc bị cáo Vi Văn S hoàn trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: anh Hứa Ngọc N số tiền 30.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến H số tiền 6.000.000 và anh Nguyễn Văn L 4.700.000 đồng.

3. *Về vật chứng:* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng gold lắp thuê bao số 0964.834.108.

4. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.035.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản hoàn trả hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện ;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu HS.VP;
- Công an V;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn Ch.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ phút ngày 24 tháng 12 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 198/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, đối với:

Bị cáo Vi Văn Sự, sinh năm 2001, tại Thôn Trung Thịnh, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn phạm tội “*Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp phải tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên thu thập đều đúng trình tự thủ tục quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tội danh:

Đủ căn cứ kết tội bị cáo Vi Văn Sự phạm tội “*Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về điều luật áp dụng

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội trộm cắp tài sản;

Căn cứ Khoản 1 Điều 174, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Căn cứ Điều 38, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn Sự 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 04 (bốn) tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/9/2021.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Các vấn đề khác:

6.1. Về trách nhiệm dân sự:

6.1. 1. Bị hại nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

6.1.2. Buộc bị cáo Vi Văn Sự hoàn trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: anh Hứa Ngọc Nam số tiền 30.000.000 đồng; anh Nguyễn Tiến Hùng số tiền 6.000.000 và anh Nguyễn Văn Lộ số tiền 4.700.000 đồng.

6.2. ***Về vật chứng:*** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng gold lắp thuê bao số 0964.834.108.

6.3. ***Về án phí:*** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.035.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.4. ***Về quyền kháng cáo:*** Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.4. Quyết định tạm giam bị cáo.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ phút ngày 24 tháng 12 năm 2021
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử
cùng nghe và ký tên./

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Ngôn- Nguyễn Ngọc Vân

Bùi Thị Hương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 274/2021/HSST-QĐ

Việt Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

Căn cứ vào các điều 109, 113, 119, và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tạm giam bị cáo:** Vi Văn Sự, sinh năm 2001;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Trung Thịnh, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công nhân;

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/9/2021.

Theo điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 ngày kể từ ngày tuyên án (tức 24/12/2021)

2. Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương

